

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH04226** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**
Số tín chỉ: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1					Hệ số 2					ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011227	Nguyễn Thiện Tâm	12/02/1994					6	6.0	6.0	6.0	6.0		9.2		7.9
2	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988					8	9.0	7.0	9.0	9.5		9.0		8.8
3	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984					8.5	7.5	8.5	9.5	9.5		9.0		8.9
4	2253801011230	Nguyễn Thanh Tú	01/01/1988					8.5	6.0	6.0	6.0	6.0		0.0		2.5
5	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998					6.5	9.0	8.5	7.0	9.5		9.6		9.1
6	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980					8.5	6.0	9.0	6.5	7.0		8.2		7.8
7	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992					9	8.0	8.5	9.5	9.5		7.0		7.8
8	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982					8	7.0	6.0	6.0	7.0		8.0		7.5
9	2253801011548	Lê Thị Phương Thảo	23/06/1990				8	9	8.5	9.5	9.5			7.0		7.8
10	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979					9	6.0	7.0	8.5	8.0		9.6		8.8
11	2253801012870	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	01/10/1982					7	8.0	9.0	9.0	8.0		5.0		6.3
12	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996					7	7.5	9.5	8.5	6.5		8.8		8.4
13	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993					6	6.0	6.0	6.0	6.5		6.0		6.0
14	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983					7	6.5	6.0	6.0	6.0		8.6		7.6
15	2253801013396	Võ Quốc Đông	18/09/1988					6	6.0	6.0	6.0	8.0		0.0		2.6
16	2253801013397	Trịnh Thanh Hòa	31/01/1992					6	7.0	6.0	6.0	6.5		8.8		7.8
17	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984					7	6.0	6.0	7.0	8.0		5.0		5.7
18	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990					7	6.5	8.0	8.0	6.0		0.0		2.8
19	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992					6	6.0	8.0	8.0	6.0		8.0		7.6
20	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996					6.5	8.0	7.0	8.0	7.0		8.0		7.8
21	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991					7	9.0	8.5	8.0	7.0		7.6		7.8

Châu Đốc, ngày 8 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh